

Số: **461** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **10** tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án Xây dựng mô hình điểm nuôi cá ứng dụng công nghệ “Sông trong ao” sản xuất theo chuỗi liên kết năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Theo Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án Xây dựng mô hình điểm nuôi cá ứng dụng công nghệ “Sông trong ao” sản xuất theo chuỗi liên kết năm 2018-2019;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 23/TTr-SNN ngày 14/02/2020 và Văn bản số 148/SNN-CN&TY ngày 02/3/2020; đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 327/TTr-SKHĐT ngày 05 tháng 3 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án Xây dựng mô hình điểm nuôi cá ứng dụng công nghệ “Sông trong ao” sản xuất theo chuỗi liên kết năm 2020, với những nội dung chính như sau:

1. Tên Kế hoạch: Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án Xây dựng mô hình điểm nuôi cá ứng dụng công nghệ “Sông trong ao” sản xuất theo chuỗi liên kết năm 2020.

2. Mục đích, yêu cầu:

- Xây dựng được mô hình điểm nuôi cá ứng dụng công nghệ “Sông trong ao” trong năm 2020 để tiếp tục theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật, hoàn thiện quy trình trước khi nhân rộng, nhằm phát triển sản xuất nuôi trồng thủy sản (NTTS) của tỉnh theo hướng sản xuất hàng hóa, an toàn vệ sinh thực phẩm và phát triển bền vững.

- Các mô hình phải được thiết kế xây dựng, thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật của công nghệ nuôi cá “Sông trong ao”, đảm bảo hệ thống vận hành tốt, hoạt động hiệu quả; là mô hình điểm để nhân dân học tập, nhân rộng các năm sau.

3. Nội dung, quy mô, kế hoạch thực hiện:

3.1. Nội dung, quy mô:

3.1.1. Xây dựng mô hình:

Xây dựng 16 mô hình nuôi cá ứng dụng công nghệ cao “Sông trong ao”, sản xuất theo chuỗi liên kết với quy mô, năng suất, sản lượng, đối tượng nuôi như sau:

- Quy mô: mỗi mô hình xây dựng 02 bể nuôi cá theo công nghệ “Sông trong ao” thể tích 250 m³/bể (kích thước: 25 x 5 x 2 m) trở lên; ao nuôi có diện tích từ 01ha trở lên, đảm bảo thể tích ao xử lý nước để cấp nước cho bể nuôi tối thiểu đạt 10.000 m³ nước/bể. Cá được nuôi chủ yếu trong bể, chiếm khoảng 2,5% tổng diện tích ao nuôi; 97,5% diện tích còn lại dùng để xử lý nước trước khi cấp tuần hoàn cho các bể nuôi. Toàn bộ nước ao được kiểm soát chất lượng bằng chế phẩm sinh học EM, chất cải tạo môi trường... và một số loại cá ăn lọc làm sạch nước.

- Năng suất dự kiến 15- 20 tấn cá thương phẩm/bể/vụ nuôi.

- Đối tượng nuôi chủ yếu là cá trắm cỏ, cá chép lai, cá rô phi Đường Nghiệp hoặc cá Diêu Hồng. Mật độ nuôi: cá trắm cỏ 7.000- 10.000 con/bể; cá chép lai 10.000 - 12.000 con/bể; cá rô phi Đường Nghiệp, cá Diêu Hồng: 12.000- 15.000 con/bể. Cá ăn lọc là cá mè trắng, mè hoa, được thả bên ngoài bể với mật độ 0,3 con/m² để làm sạch nước ao.

3.1.2. Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật:

Tổ chức 06 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi cá ứng dụng công nghệ “Sông trong ao” cho các hộ NTTS tại các xã triển khai xây dựng mô hình.

- Đối tượng tập huấn: Các hộ nuôi trồng thủy sản thuộc các xã xây dựng mô hình.

- Nội dung tập huấn:

+ Kỹ thuật xây dựng, thiết kế ao nuôi cá ứng dụng công nghệ cao “Sông trong ao”.

+ Kỹ thuật nuôi cá ứng dụng công nghệ cao “Sông trong ao”.

+ Biện pháp phòng, trị bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

- Thời gian học mỗi lớp: 03 ngày, mỗi nội dung 01 ngày.

- Giảng viên: Phân công giảng viên có trình độ kỹ sư chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản làm giảng viên.

3.2. Kế hoạch thực hiện:

Trên cơ sở nội dung Đề án, đăng ký của các địa phương, kết quả kiểm tra, khảo sát thực tế và khả năng tài chính, kỹ thuật của các hộ, dự kiến kế hoạch thực hiện tại các huyện, thành phố năm 2020 như sau:

- Huyện Lý Nhân: 02 mô hình, diện tích 4,4 ha.

- Huyện Kim Bảng: 07 mô hình, diện tích 21,6 ha.

- Thị xã Duy Tiên: 04 mô hình, diện tích 5,9 ha.

- Huyện Thanh Liêm: 01 mô hình, diện tích 3,5 ha.

- Thành phố Phủ Lý: 02 mô hình, diện tích 3,0 ha.

Tổng toàn tỉnh: 16 mô hình, diện tích 38,4 ha.

4. Giải pháp thực hiện:

4.1. Giải pháp về kỹ thuật:

- Về chuyển giao công nghệ xây dựng, vận hành bể, ao nuôi:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết nối, thuê cán bộ kỹ thuật có kiến thức, kinh nghiệm về kỹ thuật nuôi cá ứng dụng công nghệ “Sông trong ao” để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ xây dựng, vận hành bể, ao nuôi cá “Sông trong ao” cho các hộ tham gia mô hình.

+ Trên cơ sở tư vấn, hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, các hộ chủ động đầu tư xây dựng bể, cải tạo ao nuôi; mua sắm, lắp đặt máy móc, thiết bị như máy quạt nước, máy thổi khí, máy phát điện dự phòng... và các thiết bị cần thiết khác để triển khai thực hiện mô hình.

- Giải pháp về cá giống: Giống cá được các hộ chủ động mua từ các cơ sở sản xuất giống trong, ngoài tỉnh hoặc của các hộ sản xuất cá giống trong vùng nhưng được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn tuyển chọn, đảm bảo chất lượng, kích cỡ, mật độ nuôi thả.

+ Chọn cá giống khỏe mạnh, vây vẩy hoàn chỉnh, không có mầm bệnh, màu sắc bình thường, không dị hình, đồng đều kích cỡ, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT về giống cá nước ngọt.

- Về hóa chất, chế phẩm xử lý nước trong bể, ao nuôi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cử cán bộ hướng dẫn, chỉ đạo các hộ dân sử dụng các sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nước ao nuôi có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, nằm trong Danh mục hàng hóa được phép lưu hành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Về thức ăn: Sử dụng thức ăn công nghiệp hỗn hợp hoàn chỉnh dạng viên nổi của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản có uy tín như Cargill, Dabaco, Kinh Bắc..., đảm bảo hàm lượng dinh dưỡng theo yêu cầu từng giai đoạn phát triển của cá và nằm trong Danh mục được phép lưu hành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Chăm sóc, quản lý: Việc chăm sóc, quản lý, vận hành hệ thống nuôi cá “sông trong ao” được các hộ tiến hành theo quy trình công nghệ học tập được của HTX Thủy sản Xuyên Việt và theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.

4.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách hỗ trợ:

- Mỗi mô hình sau khi hoàn thành xây dựng, nghiệm thu, đi vào hoạt động, được hỗ trợ 50% tiền mua cá giống và 30% tiền mua chế phẩm xử lý cải tạo môi trường, thuốc phòng chữa bệnh. Tổng kinh phí hỗ trợ là 210,25 triệu đồng/mô hình. Cụ thể như sau:

- Hình thức hỗ trợ: sau đầu tư.

4.3. Giải pháp tiêu thụ sản phẩm:

- Các hộ gia đình, chủ trang trại tham gia xây dựng mô hình chủ động tiêu thụ sản phẩm tại các chợ đầu mối, các nhà hàng... trong và ngoài tỉnh, hoặc ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với các tổ chức, cá nhân như: Hợp tác xã Thủy sản Xuyên Việt- xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Hợp tác xã Sông trong ao Hải Đăng- xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam...

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp, tổ chức cho các chủ cơ sở tham gia các chương trình hội chợ, xúc tiến thương mại để quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm.

4.4. Tổng kết đánh giá hiệu quả mô hình:

Tổ chức 01 hội nghị tổng kết để đánh giá hiệu quả mô hình, đúc rút bài học kinh nghiệm trong triển khai, nhân rộng.

- Thành phần: Đại diện các cơ quan, đơn vị liên quan; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp, Hợp tác xã Thủy sản và một số hộ nuôi thủy sản tại các xã triển khai xây dựng mô hình.

- Nội dung: Tham quan trực tiếp tại mô hình, hội thảo đánh giá hiệu quả mô hình; bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện.

5. Kinh phí thực hiện: 33.896,65 triệu đồng (*Ba mươi ba tỷ, tám trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó:

- Vốn của hộ dân: 30.324,00 triệu đồng.
- Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước: 3.572,65 triệu đồng, gồm:
 - + Hỗ trợ mô hình năm 2019 phần còn thiếu của hộ dân: 99,2 triệu đồng.
 - + Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho hộ dân: 3.364,0 triệu đồng.
 - + Kinh phí đào tạo, tập huấn: 86,1 triệu đồng.
 - + Hỗ trợ công kỹ thuật chỉ đạo mô hình: 12,0 triệu đồng.
 - + Kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá mô hình: 11,35 triệu đồng.

6. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020.

Nội dung, định mức kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020; Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam và theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp chặt chẽ với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các hộ tham gia thực hiện mô hình; tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ đề ra; tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính căn cứ nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm, tham mưu phân bổ nguồn kinh phí để hỗ trợ thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu phân bổ nguồn kinh phí để hỗ trợ thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn các thủ tục thanh, quyết toán đảm bảo các quy định hiện hành.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phổ biến, hướng dẫn cho người nuôi thủy sản tăng cường ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả; hỗ trợ, hướng dẫn các chủ cơ sở xây dựng thương hiệu, mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tiêu thụ sản phẩm.

5. Ủy ban nhân dân các huyện huyện, thị xã, thành phố: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các xã có hộ tham gia mô hình năm 2020, tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *log*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Như điều 3;
 - Lưu VT, NN.
- C-NN/2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Minh Hiến